TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 7 – 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, Tòa án nhân dân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 265/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Y, sinh ngày 02/8/1992; Căn cước công dân: 0141 9200 1241 cấp ngày 06/4/2021; Nơi thường trú: Thôn K, xã P, tỉnh Sơn La (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phù Văn T, sinh ngày 20/02/1992; Căn cước công dân: 0240 9201 7930 cấp ngày 09/5/2021; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Y trình bày:* Chị Y và anh Phù Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Nay là UBND xã X, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 04/8/2023. Sau khi kết hôn chị Y về sinh sống cùng anh T và gia đình anh T tại thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã. Tháng 02 năm 2025, chị Y chuyển ra ngoài thuê trọ sinh sống và ly thân với anh T. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Y xác định giữa chị và anh T không có con chung, do vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phù Văn T trình bày: Anh xác nhận về thời gian và thủ tục kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng về sau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến khoảng tháng 03 năm 2025 chị Y tự ý dọn ra ngoài ở riêng và sống ly thân với anh. Từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị Y không có con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của nguyên đơn, của bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39; 238, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đinh Thị Y được ly hôn với anh Phù Văn T.

+ Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự Bắc Ninh. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đinh Thị Y là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Phù Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã X, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Y và anh Phù Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã X, tỉnh Bắc Ninh) 04/8/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh T đều xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nay chị Y đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị Y. Xét thấy: Vợ chồng chị Y và anh T đã sống ly thân một thời gian dài, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đinh Thị Y được ly hôn với anh Phù Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị Y và anh T đều xác nhận giữa hai vợ chồng anh chị không có con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác

minh tại địa phương và được địa phương xác nhận hai vợ chồng chị Y, anh T không có con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị Y và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo Biên lai thu số 0004342 ngày 14/5/2026. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Y và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên anh, chị có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Y được ly hôn anh Phù Văn T.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004342 ngày 14/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Chi